

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 169/2020/DS-ST

Ngày: 22 - 9 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Thành Quyền;
2. Ông: Nguyễn Thế Tự.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trện, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị H**, sinh năm 1961 và **Trần Hoàng D**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp 4, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Võ Thị H ủy quyền cho Trần Hoàng D.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1963 và **Trần Minh M**.

Địa chỉ: ấp 4, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt, bị đơn Mẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: vào ngày 13.10.2014, bị đơn Nguyễn Thị B và Trần Minh M có nhờ nguyên đơn Võ Thị H vay dùm 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, có làm biên nhận. Sau khi vay, bị đơn có đóng lãi đến ngày 09.11.2019 được 40.000.000 đồng, từ đó đến nay bị đơn không đóng lãi và cũng không trả vốn, do tiền nguyên đơn có

được là phải vay của người khác và phải đóng lãi nên yêu cầu bị đơn phải đóng lãi lại cho nguyên đơn. Đã nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số nợ gốc nhưng chưa trả. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết: buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn 100.000.000 đồng vốn, số tiền 40.000.000 đồng đóng lãi xem như bị đơn đã đóng từ khi vay đến nay nên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi tiếp.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Thị B trình bày: thừa nhận vào ngày 13.10.2014, bị đơn và con là Trần Minh M cùng hộ khẩu với bị đơn, có nhờ bà Võ Thị H (vợ ông D) vay dùm 100.000.000 đồng, sau khi vay phía bị đơn có trả được 40.000.000 đồng tiền vốn, nay phía bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền còn lại 60.000.000 đồng tiền vốn nhưng do bà H còn thiếu bị đơn 10.000.000 đồng tiền nợ hui nên bị đơn yêu cầu khấu trừ lại. Về phần lãi bị đơn không đồng ý trả một lần và xin trả dần dần về sau.

Quá trình tố tụng bị đơn Trần Minh M vắng mặt nên không có lời trình bày.

Nguyên đơn trình bày bổ sung: thừa nhận bà H còn thiếu bị đơn 10.000.000 đồng tiền nợ hui và đồng ý khấu trừ lại, nên chỉ yêu cầu bị đơn trả 90.000.000 đồng tiền vốn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Trần Minh M được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với bị đơn Trần Minh M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn: Hội đồng xét xử xét thấy: các đương sự thống nhất được số tiền gốc giao kết ban đầu là 100.000.000 đồng, thừa nhận sau khi vay phía bị đơn có đưa lại phía nguyên đơn 40.000.000 đồng, số tiền này nguyên đơn cho rằng là tiền lãi, bị đơn cho rằng là trả số tiền gốc. Hội đồng xét xử xét thấy: các bên thừa nhận bị đơn có nhờ nguyên đơn Hiệp vay dùm số tiền 100.000.000 đồng, như vậy có căn cứ xác định việc vay tiền này là có lãi suất. Tuy nhiên, các bên

không xác định mức lãi suất cụ thể, xem như có tranh chấp về lãi suất sẽ được giải quyết như sau:

[3.1] Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01, ngày 11.01.2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (gọi tắt Nghị quyết 01), trường hợp trên được chia làm hai khoảng thời gian tính lãi:

- Đối với khoảng thời gian từ ngày 13.10.2014 đến ngày 30.12.2016: áp dụng khoản 2 Điều 4, Nghị quyết 01 thì lãi suất được áp dụng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là 9%/năm, tức 0,75%/tháng. Như vậy, lãi suất từ ngày 13.10.2014 đến ngày 30.12.2016 là 26 tháng 17 ngày:

$$100.000.000đ \times 0,75 \% / \text{tháng} \times 26 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 19.925.000đ (1).$$

- Đối với khoảng thời gian từ ngày 01.01.2017 đến ngày xét xử sơ thẩm: Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất trong khoảng thời gian này được xác định là 10%/năm, tức 0,83%/tháng. Như vậy lãi suất từ ngày 01.01.2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 44 tháng 21 ngày:

$$100.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 44 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 37.101.000đ (2).$$

Tổng tiền lãi với hai khoảng thời gian: (1) + (2) là 57.026.000 đồng.

[3.2] Tiền lãi theo quy định của pháp luật từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm được tính như trên là 57.026.000 đồng nhưng phía nguyên đơn chỉ xác định 40.000.000 đồng là số tiền đóng lãi từ khi vay đến nay, rất có lợi cho bị đơn, từ đó có căn cứ xác định 40.000.000 đồng bị đơn đưa nguyên đơn là số tiền lãi và nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 100.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ.

[4] Đối với việc phía nguyên đơn Hiệp còn thiếu bị đơn 10.000.000 đồng nợ hui, các đương sự xác định phù hợp nhau, nguyên đơn và bị đơn đồng ý khấu trừ vào tiền thiếu, sau khi khấu trừ, có cơ sở chấp nhận yêu cầu nguyên đơn: buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn 90.000.000 đồng nợ gốc.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản tranh chấp: $90.000.000đ \times 5\% = 4.500.000$ đồng nhưng do hộ bị đơn có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được Ủy ban nhân dân xã Thanh Hòa xác nhận nên được xét giảm 50%. Số tiền còn lại phải nộp 2.250.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, các Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị B và anh Trần Minh M cùng có nghĩa vụ trả bà Võ Thị H và ông Trần Hoàng D tổng số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) nợ gốc.

- Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị B và anh Trần Minh M phải nộp 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm